TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 30/2023/HS-ST Ngày 09-6-2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN D2
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Sỹ Thắng
2. Bà Ngô Thị Hằng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 04 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HS ngày 09/05/2023, Quyết định hoãn phiên toà số /2023/QĐ-HPT ngày 23 tháng 05 năm 2023 đối với bị cáo:

Trương Ngọc L - Sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn Văn Giáo, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Ngọc Lộc và bà Đoàn Thị Dạu; vợ là Lò Thị Duy; có 02 con (con thứ nhất sinh năm 2020, con thứ hai sinh năm 2022).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2023 đến ngày 13/01/2023 được thay thế biện pháp nhăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hoàng Văn K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn UB, xã Quảng Ng, Huyện Quảng Xương, Thanh Hoá

2. Trần Văn P, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn NgN, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương, Thanh Hoá

3. Hoàng Duy T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn GY, xã Quảng Ng, Huyện Quảng Xương, Thanh Hoá

4. Ngô Sỹ H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn NgN, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương, Thanh Hoá

5. Nguyễn Hồng D, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn NgN, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương, Thanh Hoá

6. Nguyễn Văn D2, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn PhT, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương, Thanh Hoá

7. Phạm Thị N, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn LS, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương, Thanh Hoá

8. Lê Văn Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn BĐ, xã Quảng Ng, Huyện Quảng Xương, Thanh Hoá

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 01/2023, Trương Ngọc L sinh năm 1993 ở thôn VG, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã sử dụng tiền cho người dân trên địa bàn Huyện Quảng Xương vay với lãi suất từ 3.333 đồng/1 triệu/1 ngày đến 6.667 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 120%/1 năm đến 240%/1 năm. Mỗi khi có khách vay tiền, L sẽ kiểm tra thông tin của khách vay như: Tên, tuổi, địa chỉ, điều kiện gia đình, hoàn cảnh kinh tế... Tùy theo điều kiện gia đình và hoàn cảnh kinh tế của khách vay mà L sẽ đưa ra hình thức vay và mức lãi suất, nếu khách đồng ý vay thì L sẽ đưa tiền cho khách. Khi đưa tiền cho khách vay, L sẽ cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên, đến các tháng tiếp theo khách vay sẽ phải trả tiền lãi hàng tháng cho L theo như đã thỏa thuận cho đến khi nào khách trả hết tiền gốc. Sau đó, L lưu thông tin khách vay, ngày vay, số tiền vay vào mục Ghi chú trong điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 Pro màu xanh dương và điện thoại Galaxy A20 màu xanh than của L để theo dõi ngày lấy lãi. Đến ngày 08/01/2023, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Trương Ngọc L đã

đến Cơ quan CSĐT Công an Huyện Quảng Xương tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 6/2022 đến tháng 01/2023, Trương Ngọc L đã sử dụng số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) của cá nhân cho 08 khách vay lấy lãi với mức lãi suất đều vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Cụ thể như sau:

1. Ngày 13/10/2022 và ngày 16/11/2022 Trương Ngọc L cho anh Hoàng Văn K sinh năm 1982 ở thôn UB, xã Quảng Ng, Huyện Quảng Xương vay 2 lần:

- Lần thứ nhất: Ngày 13/10/2022, anh K vay của L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) không ấn định ngày trả với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 240%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh K phải trả là 2.000.000đ. Khi vay L cắt trước 2.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho K 8.000.000 đồng. Đến ngày 13/11/2022, anh K đã trả cho L 10.000.000đ tiền gốc. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 01 tháng là 166.667đ; Trương Ngọc L đã thu lời bất chính số tiền 1.833.333đ.

- Lần thứ 2: Ngày 16/11/2022 anh K vay của L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) không ấn định ngày trả với lãi suất 5000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 180%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh K phải trả là 1.500.000đ. Khi vay L cắt trước 1.500.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho anh K 8.500.000 đồng. Tính đến ngày 08/01/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh K đã trả cho L 02 tháng lãi với số tiền 3.000.000đ và chưa trả tiền gốc. Tính đến ngày 08/01/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm) anh K đã vay số tiền trên của L trong thời gian là 01 tháng 23 ngày. Anh K đã trả cho L 2 tháng lãi là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 02 tháng là 333.333đ; Trương Ngọc L đã thu lời bất chính số tiền 2.666.667đ của anh Hoàng Văn K.

Tổng số tiền Trương Ngọc L đã thu lời bất chính của anh Hoàng Văn K 2 lần là 4.500.000 đồng.

2. Ngày 22/11/2022, ngày 25/11/2022 và ngày 28/12/2022 Trương Ngọc L cho anh Trần Văn P sinh 1992 ở thôn NgN, xã Quảng Ph, Quảng Xương vay 03 lần cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 22/11/2022, anh P vay của L số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, số

tiền lãi hàng tháng anh P phải trả là 600.000đ. Khi vay L cắt trước 600.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và 200.000đ tiền hồ sơ, L đưa cho anh P 4.200.000 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 25/11/2022, anh P tiếp tục vay của L số tiền 5.000.000đ cùng lãi suất là 4.000đ/1 triệu/1 ngày. L cũng cắt trước 600.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và 150.000đ tiền hồ sơ của khoản vay này, L đưa cho anh P 4.250.000 đồng.

Tổng cộng cả hai lần vay, anh P đã vay của L số tiền 10.000.000đ, cả hai thống nhất cứ đến ngày 25 hàng tháng anh P phải đóng 1.200.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền gốc. Đến ngày 25/12/2022, anh P đã trả cho L 10.000.000đ tiền gốc. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 1 tháng là 166.667đ; Trương Ngọc L đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.033.333đ và số tiền 350.000 đồng tiền thu phí hồ sơ, tổng số tiền thu lời bất chính là 1.383.333 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 28/12/2022, anh P vay của L số tiền 5.000.000đ trong vòng 1 tháng với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, số tiền lãi anh P phải trả trong vòng 1 tháng là 600.000đ. Khi vay L cắt trước 600.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và 200.000đ tiền hồ sơ, L đưa cho anh P 4.200.000 đồng. Tính đến ngày 08/01/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh P đã trả cho L 01 tháng lãi với số tiền 600.000đ, 200.000đ tiền phí hồ sơ và chưa trả tiền gốc. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 01 tháng anh P đã trả cho L là 83.333 đồng; Trương Ngọc L đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định vi của Bộ luật dân sự là 516.667đ và 200.000 đồng tiền phí hồ sơ, số tiền L thu lời bất chính của anh P là 716.667 đồng.

Tổng số tiền L thu lời bất chính của anh P trong 03 lần vay là 2.100.000 đồng.

3. Ngày 07/6/2022, ngày 14/12/2022 Trương Ngọc L cho anh Hoàng Duy T sinh năm 1990 ở thôn GY, xã Quảng Ng, Quảng Xương vay 02 lần cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 07/6/2022, anh T vay của L số tiền 20.000.000đ không ấn định ngày trả với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh T phải trả là 2.400.000đ. Khi vay L cắt trước 2.400.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và 200.000đ tiền hồ sơ, L đưa cho anh T 17.400.000đồng. Đến ngày 07/12/2022, anh T đã trả cho L 20.000.000đ tiền gốc. Tổng cộng anh T đã trả cho L 06 tháng lãi với số tiền 14.400.000đ và 200.000đ tiền hồ sơ; trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự

trong vòng 06 tháng là 2.000.000đ. Trương Ngọc L đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 12.400.000đ và 200.000 đồng phí hồ sơ. Tổng tiền thu lời bất chính là 12.600.000 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 14/12/2022, anh T vay của L số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả với lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh T phải trả là 1.200.000đ. Khi vay L cắt trước 1.200.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và 200.000đ tiền hồ sơ, L đưa cho T 8.600.000 đồng. Tính đến ngày 08/01/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh T chưa trả tiền gốc cho L. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 01 tháng anh T đã trả cho L là 166.667đ; Thực tế Trương Ngọc L đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.033.333đ và 200.000 đồng phí hồ sơ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 1.233.333 đồng.

Tổng số tiền Trương Ngọc L thu lời bất chính của anh T trong 02 lần vay là 13.833.333 đồng .

4. Ngày 18/9/2022 Trương Ngọc L cho anh Ngô Sỹ H sinh năm 1989 thôn NgN, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương vay số tiền 50.000.000đ không ấn định ngày trả, với lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả là 6.000.000đ. Khi vay L cắt trước 6.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, L đưa cho anh H 44.000.000 đồng. Đến ngày 18/12/2022, anh H đã trả cho L 50.000.000đ tiền gốc. Tổng cộng anh H đã trả cho L 03 tháng lãi với số tiền 18.000.000đ. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 03 tháng là 2.500.000đ; Trương Ngọc L đã thu lời bất chính số tiền vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 15.500.000đ.

5. *Ngày 04/10/2022 Trương Ngọc L cho chị Nguyễn Hồng D sinh năm 1976 ở thôn NgN, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương vay số tiền 10.000.000đ,* không ấn định ngày trả với lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 120%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị D phải trả là 1.000.000đ. Khi vay L cắt trước 1.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, L đưa cho chị D 9.000.000 đồng. Tính đến ngày 08/01/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), chị D đã trả cho L 04 tháng lãi với số tiền 4.000.000đ và chưa trả tiền gốc. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 04 tháng là 666.667; Trương Ngọc L đã thu lời bất chính số tiền vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.333.333d.

6. Ngày 05/10/2022 Trương Ngọc L cho anh Nguyễn Văn D2 sinh năm 1979 ở thôn PhT, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương vay số tiền 10.000.000đ, không định ngày trả, với lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh D2 phải trả là 1.200.000đ. Khi vay L cắt trước 1.200.000đ tiền lãi tháng đầu tiên L đưa cho anh D2 8.800.000 đồng. Tính đến ngày 08/01/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh D2 đã vay số tiền trên của L trong thời gian 03 tháng 03 ngày, tuy nhiên, anh D2 mới trả cho L được 03 tháng lãi với số tiền 3.600.000đ và chưa trả tiền gốc. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 03 tháng 03 ngày là 516.438đ. Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh D2 phải trả cho bị cáo là 3.720.000đ. Như vậy, số tiền L thu lời bất chính là 3.203.562đ.

7. Ngày 01/12/2022 Trương Ngọc L cho chị Phạm Thị N sinh năm 1981 ở thôn LS, xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương vay số tiền 35.000.000đ, không ấn định ngày trả, với lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị N phải trả là 4.200.000đ. Khi vay L cắt trước 4.200.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, L đưa cho chị N 30.800.000 đồng. Tính đến ngày 08/01/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), chị N đã trả cho L 02 tháng lãi với số tiền 8.400.000 đồng và chưa trả tiền gốc, (thực tế chị N đã vay số tiền trên của L trong thời gian 1 tháng 07 ngày). Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 02 tháng là 1.166.667đ; Trương Ngọc L đã thu lời bất chính số tiền vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.233.333đ.

8. Ngày 10/8/2022 Trương Ngọc L cho anh Lê Văn Q sinh năm 1989 ở thôn BĐ, xã Quảng Ng, Huyện Quảng Xương vay số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả, với lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 144%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh Q phải trả là 1.200.000đ. Khi vay L cắt trước 1.200.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho anh Q 8.800.000 đồng. Đến ngày 10/12/2022, anh Q đã trả cho L 10.000.000đ tiền gốc và 04 tháng lãi với số tiền 4.800.000đ; trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 04 tháng là 666.667đ ; Trương Ngọc L đã thu lời bất chính của anh Q số tiền vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.133.333d.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 06/2022 đến tháng 01/2023, Trương Ngọc L đã sử dụng số tiền 180.000.000 đồng cho 08 khách vay gồm: anh Hoàng Văn K, anh Trần Văn P, anh Hoàng Duy T, anh Ngô Sỹ H, chị Nguyễn

Hồng D, anh Nguyễn Văn D2, chị Phạm Thị N, anh Lê Văn Q với lãi suất từ 120%/1 năm đến 240%/1 năm. Mức lãi suất trên đã vượt quá từ 6 lần đến 12 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Thực tế L đã thu của 08 khách vay là 61.200.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.433.105 đồng. Ngoài việc thu tiền lãi của khách, khi cho anh Trần Văn P, Hoàng Duy T vay tiền, Trương Ngọc L đã thu thêm số tiền 950.000 đồng tiền phí làm hồ sơ vay tiền. Tuy nhiên, thực tế L không làm hồ sơ mà mục đích để hưởng lợi cá nhân, thu trái pháp luật.

Như vậy, tổng số tiền L thu lời bất chính là 53.836.895đ (năm mươi ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm chín lăm đồng)

Bản Cáo trạng số 29/Ctr-VKSQX ngày 06/04/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Trương Ngọc L về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố về tội D2 như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm r,i,s khoản 1 Điều 51, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đề nghị về các biện pháp tư pháp như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với các khoản nợ gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo, tổng là 100.000.000đ.

Truy thu của Trương Ngọc L để sung công quỹ Nhà nước toàn bộ tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định (20%/năm): số tiền là 8.433.105 đồng.

Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền bị cáo thu lời bất chính của người vay, gồm: Hoàng Văn K là 4.500.000 đồng; anh Trần Văn P 2.100.000 đồng; anh Hoàng Duy T: 13.833.000 đồng; Anh Ngô Sỹ H 15.500.000 đồng; chị Nguyễn Hồng D 3.333.333 đồng; anh Nguyễn Văn D2 3.083.000đ đồng; chị Phạm Thị N 7.233.333 đồng; anh Lê Văn Q 4.133.333 đồng. Tuy nhiên anh Lê Văn Q, Trần Văn P không yêu cầu L phải trả lại số tiền trên cho hai anh.

Buộc những người vay phải nộp lại số tiền nợ chưa trả hết cho bị cáo L để sung vào quỹ nhà nước. Cụ thể: Anh Hoàng Văn K còn nợ 10.000.000; Trần Văn

P còn nợ 5.000.000 đồng; Anh Hoàng Duy T còn nợ 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Hồng D còn nợ 10.000.000 đồng; Anh Nguyễn Văn D2 còn nợ 10.000.000 đồng; Phạm Thị N còn nợ 35.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 Pro màu xanh dương và 01 điện thoại Galaxy A20 màu xanh than thu giữ của Trương Ngọc L là công cụ phương tiện phạm tội.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận;

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Quá trình điều tra đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả tranh tụng tại phiên toà và các T liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2022 đến tháng 01/2023, Trương Ngọc L đã sử dụng số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) của cá nhân cho anh Hoàng Văn K, anh Trần Văn P, anh Hoàng Duy T, anh Ngô

Sỹ H, chị Nguyễn Hồng D, anh Nguyễn Văn D2, chị Phạm Thị N, anh Lê Văn Q vay với lãi suất từ 120%/1 năm đến 240%/1 năm, vượt quá từ 6 lần đến 12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính với tổng số tiền là **53.836.895 đ** (Năm mươi ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm chín lăm đồng).

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay….".

Theo Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

(.....)

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Trương Ngọc Lương phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, tội D2 và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quảng Xương là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiếm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về T chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thân thân của bị cáo, cần áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự để chính quyền địa phương và gia đình cùng phối hợp giám sát bị cáo trở thành công dân tốt.

Về hình phạt tiền bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: *"Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.*" Tuy nhiên, HĐXX xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với các khoản nợ gốc: Đối với số tiền 100.000.000 đồng là tiền những người vay đã trả cho L gồm: anh Hoàng Văn K 10.000.000 đồng, Trần Văn P 10.000.000 đồng, anh Ngô Sỹ H 50.000.000 đồng, Hoàng Duy T 20.000.000 đồng, Lê Văn Q 10.000.000 đồng, là tiền L sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu của L để sung công quỹ Nhà nước.

- Tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định: Đối với số tiền 8.433.105 đồng là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của Trương Ngọc L để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà Trương Ngọc L đã thu của người vay, gồm: Hoàng Văn K là 4.500.000 đồng; anh Trần Văn P 2.100.000 đồng; anh

Hoàng Duy T: 13.833.000 đồng; Anh Ngô Sỹ H 15.500.000 đồng; chị Nguyễn Hồng D 3.333.333 đồng; anh Nguyễn Văn D2 3.083.000 đồng; chị Phạm Thị N 7.233.333 đồng; anh Lê Văn Q 4.133.333 đồng nên cần buộc L phải trả lại số tiền trên cho những người vay. Tuy nhiên anh Lê Văn Q, Trần Văn P không yêu cầu L phải trả lại số tiền trên cho hai anh.

- Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho Trương Ngọc L (tổng 80.000.000đ), cụ thể: Anh Hoàng Văn K còn nợ 10.000.000; Trần Văn P còn nợ 5.000.000 đồng; Anh Hoàng Duy T còn nợ 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Hồng D còn nợ 10.000.000 đồng; Anh Nguyễn Văn D2 còn nợ 10.000.000 đồng; Phạm Thị N còn nợ 35.000.000 đồng. Đây là số tiền của L dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc anh K, anh P, anh T, chị D, anh D2, chị N phải nộp lại số tiền nợ trên để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 Pro màu xanh dương và 01 điện thoại Galaxy A20 màu xanh than thu giữ của Trương Ngọc L là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

Khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm r,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 6; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Mục 1 phần I D2 mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Trương Ngọc L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự."

*** Xử phạt:**

Bị cáo Trương Ngọc L 12 tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ từ ngày 08/01/2023 đến ngày 13/01/2023 bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an Huyện Quảng Xương nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trương Ngọc L cho UBND xã Quảng Ph, Huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trương Ngọc L số tiền 30.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- Truy thu của bị cáo Trương Ngọc L tổng số tiền: 108.433.105đ (một trăm lẻ tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn một trăm lẻ năm đồng) (Là số tiền gốc và lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20% theo quy định của BLDS) để sung vào quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo Trương Ngọc L phải trả lại cho người vay số tiền mà bị cáo thu lời bất chính, cụ thể:

Trả lại cho Hoàng Văn K số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

Trả lại cho anh Hoàng Duy T số tiền 13.833.000 đồng (mười ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng);

Trả lại cho anh Ngô Sỹ H 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng);

Trả lại cho chị Nguyễn Hồng D 3.333.333 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

Trả lại cho anh Nguyễn Văn D2 3.083.000 đồng (ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng);

Trả lại cho chị Phạm Thị N 7.233.333 đồng (bảy triệu hai trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bị

cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc những người vay phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo Trương Ngọc L, cụ thể:

Buộc anh Hoàng Văn K phải nộp lại số tiền vay chưa trả là 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc anh Trần Văn P phải nộp lại số tiền vay chưa trả là 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc anh Hoàng Duy T phải nộp lại số tiền vay chưa trả là 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc chị Nguyễn Thị H D phải nộp lại số tiền vay chưa trả là 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc anh Nguyễn Văn D2 phải nộp lại số tiền vay chưa trả là 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc chị Phạm Thị N phải nộp lại số tiền vay chưa trả là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

*** Về xử lý vật chứng vụ án:**

Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước các vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi NOTE 11 Pro màu xanh dương. Điện thoại đựng trong P big do Công an Huyện Quảng Xương phát hành có ký hiệu M1 được dán kín niêm P bởi 03 hình dấu tròn của Công an Huyện Quảng Xương có các chữ ký viết ghi rõ tên của Bùi Ngọc Dũng, Lê Đình Nguyên, Trương Ngọc L.

- 01 điện thoại di động Galaxy A20 màu xanh than. Điện thoại đựng trong P bì do Công an Huyện Quảng Xương phát hành có ký hiệu M2 được dán kín niêm P bởi 03 hình dấu tròn của Công an Huyện Quảng Xương có các chữ ký viết ghi rõ tên của Bùi Ngọc Dũng, Lê Đình Nguyên, Trương Ngọc L.

Các vật chứng hiện đang được bảo quản lại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát Điều tra công an Huyện Quảng Xương và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Quảng Xương ngày 28/4/2023.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND Huyện Quảng Xương;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Trại tạm giam công an T.Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án DS Huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Huyền